

**ÔN TẬP NGỮ VĂN 7 HKI**

**A/ PHẦN VĂN:**

<b>TÊN BÀI</b>	<b>TÁC GIẢ</b>	<b>TÁC PHẨM</b>	<b>NGHỆ THUẬT</b>	<b>Ý NGHĨA</b>
<b>Công trường mở ra</b>	Lí Lan	Văn bản nhật dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn hình thức tự bạch như những dòng nhật kí của người mẹ nói với con.</li> <li>- Sử dụng ngôn ngữ biểu cảm.</li> </ul>	Văn bản thể hiện tấm lòng, tình cảm của người mẹ đối với con, đồng thời nêu lên vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống của mỗi con người.
<b>Mẹ tôi</b>	Ét-môn-đô Đơ A-mi-xi (1846-1908) là nhà văn I-ta-Li-a.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Những tấm lòng cao cả</i> là tác phẩm nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông.</li> <li>- Văn bản nhật dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sáng tạo nên hoàn cảnh xảy ra chuyện: En-ri-cô mắc lỗi với mẹ.</li> <li>- Lòng trong câu chuyện một bức thư có nhiều chi tiết khắc họa người mẹ tận tụy, giàu đức hi sinh, hết lòng vì con.</li> <li>- lựa chọn hình thức biểu cảm trực tiếp, có ý nghĩa giáo dục, thể hiện thái độ nghiêm khắc của người cha đối với con.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người mẹ có vai trò vô cùng quan trọng trong gia đình,</li> <li>- Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng nhất đối với mỗi con người.</li> </ul>
<b>Cuộc chia tay của những con búp bê</b>	Khánh Hoài	<i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i> là một văn bản nhật dụng theo kiểu văn bản tự sự.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng tình huống tâm lí.</li> <li>- lựa chọn ngôi thứ nhất để kể.</li> <li>- Khắc họa hình tượng nhân vật trẻ nhỏ.</li> <li>- lời kể tự nhiên theo trình tự sự việc.</li> </ul>	Là câu chuyện của những đứa con nhưng lại gọi cho những người làm cha mẹ phải suy nghĩ. Trẻ em cần được sống trong mái ấm gia đình. Mỗi người cần phải biết giữ gìn gia đình hạnh phúc.
<b>Ca dao dân ca Những câu hát về tình cảm gia đình</b>		<p><i>Dân ca</i> là những sáng tác dân gian kết hợp lời và nhạc.</p> <p><i>Ca dao</i> là lời thơ của dân ca</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh, ẩn dụ, đối xứng, tăng cấp...</li> <li>- Giọng điệu ngọt ngào mà trang nghiêm.</li> <li>- Diễn tả tình cảm qua những mô típ.</li> <li>- Thể thơ lục bát và lục bát biến thể...</li> </ul>	Tình cảm đối với ông bà cha mẹ anh em là những tình cảm sâu nặng thiêng liêng nhất trong đời sống mỗi con người.
<b>Những câu hát về tình yêu quê hương đất nước con người.</b>		Là một trong những chủ đề góp phần thể hiện đời sống tâm hồn tình cảm của người Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu hỏi- đáp thường gọi nhiều hơn tả.</li> <li>- Giọng điệu tha thiết tự hào.</li> <li>- Cấu tứ đa dạng độc đáo.</li> <li>- Thể thơ lục bát và lục bát biến thể...</li> </ul>	Ca dao bồi đắp thêm tình cảm cao đẹp của con người với quê hương đất nước.

<b>Những câu hát than thân</b>		Phản ánh hiện thực và thể hiện nỗi niềm tâm sự của tầng lớp bình dân.	- Sử dụng cách nói thân em, thân cò , con cò, thân phận... - Sử dụng thành ngữ... - So sánh, ẩn dụ, tượng trưng, điệp ngữ...	Một khía cạnh làm nên giá trị của ca dao là thể hiện tinh thần nhân đạo.
<b>Những câu hát châm biếm</b>		Cách ứng xử và một số nghệ thuật tiêu biểu ở ca dao châm biếm.	- Sử dụng hình thức giễu nhại. - Sử dụng cách nói hàm ý. - Tạo nên cái cười châm biếm hài hước.	Thể hiện tinh thần phê phán dân chủ của những con người thuộc tầng lớp bình dân.
<b>Sông núi nước nam</b>	Chưa rõ tác giả	- Là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta - Sáng tác theo thể thơ : Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	- Sử dụng thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, xúc tích để tuyên bố nền độc lập của đất nước. - Dồn nén cảm xúc trong hình thức thiên về nghị luận, bày tỏ ý kiến - Lựa chọn ngôn ngữ góp phần thể hiện giọng thơ đĩnh đạc, hùng hồn, đanh thép.	- Bài thơ thể hiện niềm tin vào sức mạnh chính nghĩa của dân tộc ta. - Bài thơ có thể xem như bản tuyên ngôn độc lập lần đầu tiên của nước ta.
<b>Phò giá về kinh</b>	Trần Quang Khải ( 1241 – 1294) là người có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên xâm lược.	- Thể thơ : Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật, cách gieo vần như thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt. - Sáng tác sau chiến thắng Chương Dương Hàm Tử giải phóng kinh đô.	- Hình thức diễn đạt cô đọng, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng. - Giọng điệu sáng khoái, hân hoan, tự hào.	Thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng về một đất nước thái bình thịnh trị của dân tộc ta ở thời Trần.
<b>Bạn đến chơi nhà</b>	Nguyễn Khuyến (1835- 1909) là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.	- Sáng tác sau giai đoạn ông cáo quan về quê - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật	- Sáng tạo nên tình huống khó xử khi bạn đến chơi nhà. - lập ý bất ngờ. - Vận dụng ngôn ngữ, thể loại điêu luyện.	Bài thơ thể hiện quan niệm về tình bạn, quan niệm đó vẫn còn ý nghĩa, giá trị lớn trong cuộc sống của con người hôm nay.
<b>Qua Đèo Ngang</b>	Bà Huyện Thanh Quan là nữ sĩ tài danh hiếm có	- Sáng tác theo thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật - Đèo Ngang là	- Sử dụng thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật điêu luyện - Sử dụng bút pháp nghệ thuật: Tả cảnh ngụ tình	Thể hiện tâm trạng cô đơn, thâm lặng, nỗi niềm hoài cổ của nhà thơ trước cảnh vật Đèo Ngang.

	trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại.	địa danh nổi liền hai tỉnh Quảng Bình & Hà Tĩnh.	-Sáng tạo trong việc sử dụng từ láy, từ đồng âm khác nghĩa gợi hình, gợi cảm -Sử dụng nghệ thuật đối hiệu quả trong việc tả cảnh, tả tình	
<b>Bánh trôi nước</b>	Hồ Xuân Hương được mệnh danh là Bà Chúa Thơ Nôm	Sáng tác theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật → bằng chữ Nôm	- Vận dụng điêu luyện những quy tắc của thơ Đường luật -Sử dụng ngôn ngữ thơ bình dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày với thành ngữ, mô típ dân gian -Sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh nhiều tầng ý nghĩa.	Thể hiện cảm hứng nhân đạo trong văn học viết Việt Nam dưới thời phong kiến: Ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của người phụ nữ, đồng thời thể hiện lòng tỏ sâu sắc đối với thân phận chìm nổi của họ.
<b>Tiếng gà trưa</b>	Xuân Quỳnh (1942 – 1988) quê ở làng La Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Là nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ hiện đại Việt Nam.	- Được viết trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ, in trong tập thơ Hoa dọc chiến hào (1968) của Xuân Quỳnh -Thuộc thể thơ 5 chữ	-Sử dụng hiệu quả điệp từ <b>Tiếng gà trưa</b> có tác dụng nổi mạnh cảm xúc, gợi nhắc những kỉ niệm lần lượt hiện về. - Thể thơ 5 chữ phù hợp với việc vừa kể chuyện, vừa bộc lộ tâm tình	Những kỉ niệm về người bà tràn ngập yêu thương làm cho người chiến sĩ thêm vững bước trên đường ra trận.
<b>Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh (Tĩnh dạ tứ)</b>	Lí Bạch(701-762) là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường	Hoàn cảnh: xa quê, trông trăng nhớ quê	-Xây dựng hình ảnh gần gũi, ngôn ngữ tự nhiên, bình dị. -Sử dụng phép đối ở câu 3-4	Nỗi lòng đối với quê hương da diết, sâu nặng trong tâm hồn, tình cảm người xa quê.
<b>Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê (Hồi hương ngẫu thư)</b>	Hạ Tri Chương (659-744) là nhà thơ lớn của Trung Quốc	Hoàn cảnh: vừa đặt chân về quê cũ	- Sử dụng các yếu tố tự sự. - Cấu tứ độc đáo. - Sử dụng biện pháp tiêu đối đối hiệu quả. - Có giọng điệu bi hài thể hiện ở hai câu cuối.	Tình quê hương là một trong những tình cảm lâu bền và thiêng liêng nhất của con người.

	đời Đường			
<b>Cảnh khuya, Rằm tháng giêng</b>	Hồ Chí Minh (1890 – 1969) nhà thơ lớn, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.	Viết ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954)	- Viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. - Có nhiều hình ảnh thơ lung linh kì ảo. - Sử dụng so sánh điệp ngữ có hiệu quả.	Cảnh khuya: Bài thơ thể hiện 1 đặc điểm của thơ Hồ Chí Minh. Sự gắn bó hòa hợp giữa thiên nhiên và con người Rằm tháng giêng: Toát lên vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ, chiến sĩ Hồ Chí Minh trước vẻ đẹp của thiên nhiên Việt Bắc ở giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn nhiều gian khổ.
<b>Một thứ quà của lúa non: Cốm</b>	Thạch Lam (1910-1942) sinh tại Hà Nội, là nhà văn lãng mạn trong nhóm Tự lực văn đoàn, được biết đến với các truyện ngắn và bút kí trước Cách mạng tháng tám.	- Thể loại: Tùy bút. - Trích từ tập tùy bút “Hà Nội băm sáu phố phường”(1943)	- lời văn trang trọng tinh tế đầy cảm xúc giàu chất thơ. -Chi tiết chọn lọc gợi nhiều liên tưởng kỉ niệm. - Sáng tạo trong lời văn xen kể và tả chậm rãi ngắt nghỉ mang nặng tính chất tâm tình nhắc nhở nhẹ nhàng.	Bài văn là sự thể hiện thành công những cảm giác lắng đọng tinh tế mà sâu sắc của Thạch Lam về văn hóa và lối sống của người Hà Nội.
<b>Mùa xuân của tôi</b>	Vũ Bằng(1913-1984) sinh tại Hà Nội, có sáng tác từ trước CMTT 1945. Sở trường của ông là truyện ngắn, tùy bút, bút kí. Sau năm 1954, ông vừa viết văn vừa làm báo	- <i>Thương nhớ mười hai</i> là tập tùy bút- bút kí của nhà văn được viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt; nhà văn đã kí thác tâm trạng của mình vào những trang văn tài hoa, độc đáo về quê hương. - <i>Mùa xuân của tôi</i> được trích từ tùy bút <i>Tháng giêng mơ về</i>	-Trình bày nội dung văn bản theo mạch cảm xúc lôi cuốn say mê. - Lựa chọn từ ngữ câu văn linh hoạt biểu cảm giàu hình ảnh. - Có nhiều so sánh liên tưởng phong phú độc đáo giàu chất thơ.	-Văn bản đem đến cho người đọc cảm nhận về vẻ đẹp của mùa xuân trên quê hương miền Bắc. - Văn bản thể hiện sự gắn bó máu thịt giữa con người với quê hương, xứ sở- một biểu hiện cụ thể của tình yêu đất nước.

	vừa hoạt động cách mạng ở Sài Gòn nhưng vẫn không nguôi nhớ về miền Bắc.	<i>trắng non rét ngọt của tập tỳ bút- bút kí</i> <i>Thương nhớ mười hai.</i>		
--	--	---	--	--

**B/ PHÂN TIẾNG VIỆT:**

**1/ Từ ghép:**

**a/ Các loại từ ghép:**

- Từ ghép có hai loại: từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập
- Từ ghép chính phụ có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau. VD: bút bi, cái áo, thước kẻ, ...
- Tiếng ghép đẳng lập có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ). VD: sách vở, quần áo, bàn ghế, ...

**b/ Nghĩa của từ ghép:**

- Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn so với tiếng chính
- Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó

**2/ Từ láy:**

**a/ Các loại từ láy:**

- Từ láy có hai loại: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận
- Ở từ láy toàn bộ, các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn; nhưng cũng có một số trường hợp biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm cuối (để tạo ra 1 sự hài hoà về âm thanh). VD: the thé, ồm ồm, khăn khăn, ...
- Ở từ láy bộ phận, giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần. VD: đẹp đẽ, xinh xắn, lấm tấm, lạnh chanh, ...

**b/ Nghĩa của từ láy :**

- Nghĩa của từ láy được tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh của tiếng và sự hòa phối âm thanh giữa các tiếng. Trong trường hợp từ láy có tiếng có nghĩa làm gốc (tiếng gốc) thì nghĩa của từ láy có thể có những sắc thái riêng so với tiếng gốc như sắc thái biểu cảm, sắc thái giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh.

**3/ Đại từ:**

**a/ Khái niệm:**

- Đại từ dùng để trỏ người, sự vật, hạt động tính chất, ... được nói đến trong một số ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi
- Đại từ có thể đảm nhiệm các vai trò ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ trong câu hay phụ ngữ của danh từ, của động từ, của tính từ, ...

**b/ Các loại đại từ:**

- Đại từ dùng để trỏ:
  - Trỏ người, sự vật (gọi là đại từ xưng hô). VD: nó, bác, tôi, ...
  - Trỏ số lượng. VD: bấy, bấy nhiêu, ...
  - Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc. VD: vậy, thế, ...
- Đại từ dùng để hỏi:
  - Hỏi về người, sự vật. VD: Ai, gì, ...
  - Hỏi về số lượng. VD: bao nhiêu, mấy, ...

- Hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc. VD: sao, thế nào, ...

#### **4/ Quan hệ từ:**

##### **a/ Khái niệm:**

Quan hệ từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả, ... giữa các bộ phận của câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn. VD: mà, nhưng, giá ... mà, ...

##### **b/ Cách sử dụng:**

- Khi nói hoặc viết, có những trường hợp bắt buộc phải dùng quan hệ từ. Đó là những trường hợp nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa. Bên cạnh đó, cũng có trường hợp không bắt buộc dùng quan hệ từ (dùng cũng được, không dùng cũng được)
- Có một số quan hệ từ được dùng thành cặp.

##### **c/ Các lỗi thường gặp:**

- Thiếu quan hệ từ
- Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa
- Thừa quan hệ từ
- Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết

#### **5/ Từ đồng nghĩa:**

##### **a/ Khái niệm:**

- Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau. VD: phu nhân – bà xã – vợ, ...

##### **b/ Các loại từ đồng nghĩa:**

- Từ đồng nghĩa gồm có hai loại: những từ đồng nghĩa hoàn toàn (không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa) và những từ đồng nghĩa không hoàn toàn (có sắc thái nghĩa khác nhau)

##### **c/ Cách sử dụng:**

Không phải bao giờ các từ đồng nghĩa cũng có thể thay thế cho nhau. Khi nói cũng như khi viết, cần cân nhắc để chọn trong số các từ đồng nghĩa những từ thể hiện đúng thực tế khách qua và sắc thái biểu cảm.

#### **6/ Từ đồng âm:**

##### **a/ Khái niệm:**

Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa lại khác xa nhau, không liên quan gì đến nhau. VD: củ lạc – lạc đường, cái đàn – đàn cò, ...

**b/ Cách sử dụng:** Trong giao tiếp phải chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của từ hoặc dùng từ với nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm.

#### **7/ Từ trái nghĩa:**

##### **a/ Khái niệm:**

- Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau
- Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau. VD: giàu – nghèo, tươi – héo.

##### **b/ Cách sử dụng:**

Từ trái nghĩa được sử dụng trong thể đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động.

#### **8/ Điệp ngữ:**

##### **a/ Khái niệm:**

Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.

##### **b/ Các dạng điệp ngữ:**

Có nhiều dạng: điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng).

#### **9/ Thành ngữ:**

##### **a/ Khái niệm:**

- Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh

- Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh, ...
- VD: Bấy nổi ba chìm, lời ăn tiếng nói, ...

**b/ Cách sử dụng:**

- Thành ngữ có thể làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu hay làm phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, ...
- Thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao

**10/ Chơi chữ:**

**a/ Khái niệm:**

Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước, ... làm câu văn hấp dẫn và thú vị

**b/ Các lối chơi chữ:**

- Các lối chơi chữ thường gặp là:
  - Dùng từ ngữ đồng âm
  - Dùng lối nói trại âm (gân âm)
  - Dùng cách điệp âm
  - Dùng lối nói lái
  - Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa
- Chơi chữ được sử dụng trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là trong thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố, ...

**C. TẬP LÀM VĂN: VĂN BIỂU CẢM (DÀN Ý MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO)**

**1/ Cảm nghĩ về một con vật nuôi:**

**a) Mở bài:** Giới thiệu về một con vật nuôi mà em yêu thích

**b) Thân bài:**

- Giới thiệu được tình cảm của em dành cho con vật ấy (Nó được nuôi ở nhà em khi nào? Do ai tặng? Lúc đầu mang về tình cảm của em thích, ghét ra sao?)
- lông, mặt, tai nó như thế nào? Cảm nghĩ của em về mặt, bộ lông, tai của nó?
- Em đặt tên cho nó là gì? Tại sao lại đặt cái tên ấy → gắn bó kỉ niệm gì với em (Tên phải có ý nghĩa với em)
- Dần dần em bị nó chinh phục như thế nào? Em và nó gần gũi với nhau, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn?
- Dưới con mắt của em nó không phải là một con vật bình thường mà là một người bạn trung thành, thân thiết
- Em chăm sóc nó như thế nào? (Nếu đó là một người rất thân tặng) → Tình cảm của em gửi gắm tới con vật → Người tặng. Em dạy nó những gì?
- Con vật mà em nuôi đã lập được chiến công gì? Lời khen. Tình cảm của em trước chiến công đó? Cảm nghĩ của em về chiến công của chú chó

**c) Kết bài:** Khẳng định vai trò, tình cảm của em đối với chú vật nuôi ấy.

**\*Lưu ý:** Nếu như biểu cảm về chú trâu, phải nói được vai trò của chú đối với người nông dân và công việc đồng áng

**2/ Cảm nghĩ về một loài cây:**

**a) Mở bài:** Giới thiệu được loài cây mà em yêu thích (Điều đặc biệt của nó khiến em có tình cảm và thấy nó khác so với hàng trăm loài cây trái khác nhau)

**b) Thân bài:**

+ **Biểu cảm về:**

- Lá, cành, rễ như thế nào? Tượng trưng cho điều gì?
- Gắn bó với em kỉ niệm gì? (Chia sẻ niềm vui, nỗi buồn đối với em như thế nào?)

- Loài cây là biểu tượng gì?
- Loài cây gợi cho em nhớ đến ai? Vì sao em nhớ?
- Cảm giác của em khi : ngắm nhìn, thưởng thức, tác dụng ích lợi, ... của nó với cuộc sống hằng ngày?

**c) Kết bài:** Khẳng định vị trí của loài cây ấy trong lòng em

**\*Lưu ý:**

- Tuy là văn biểu cảm nhưng phải áp dụng yếu tố miêu tả và tự sự. sau đó từ miêu tả và tự sự nêu cảm xúc, suy nghĩ, tình cảm của mình
- Để bộc lộ cảm xúc, người viết phải có chiều sâu tâm hồn, câu văn dạt dào cảm xúc → Phải có từ ngữ biểu cảm thể hiện được tâm trạng (yêu thương, trân trọng, quý mến, cảm ơn, buồn bã, ...) tùy theo đối tượng biểu cảm
- Sử dụng hợp lí điệp từ, điệp ngữ (tôi yêu, tôi nhớ, ...)

**3/ Biểu cảm về con người :**

**a) Mở bài:** Bắt đầu bằng một câu ca dao, câu thơ, câu hát

Cảm nghĩ của em về người cần được biểu cảm

**b) Thân bài:**

- Biểu cảm về công ơn sinh thành, dưỡng dục....
- Biểu cảm về 1 nét ngoại hình (làn da, mái tóc, dáng đi) xưa → nay để thấy được sự hy sinh cao cả thầm lặng vì em
- Người đó đối với em như thế nào? (Kỉ niệm khi được chăm sóc dạy dỗ, khi em mắc lỗi)
- Người ấy là chỗ dựa như thế nào đối với em? Khi em vui, em buồn, đau xót như thế nào nếu có một ngày người ấy không còn bên em nữa
- Tình cảm của người được nói đến đối với em, người đó còn có những phẩm chất đáng quý nào của người khác nữa

**c) Kết bài:** Khẳng định tình cảm của em dành cho người ấy trong lòng của em

**4/ Dàn ý biểu cảm về mùa xuân:**

**a) Mở bài:** - Mùa xuân là nguồn đề tài, nguồn thi hứng, nguồn thi liệu cho rất nhiều các sáng tác thơ ca.

- Lòng người mỗi khi xuân về thường xốn xang, rạo rức → Mùa đẹp nhất, mùa của niềm vui, hạnh phúc, sự đoàn tụ của gia đình.

**b) Thân bài:**

- Mùa xuân – mùa của trăm hoa đua nở, cây cối đâm chồi, nảy lộc, ra hoa, kết trái → Biểu cảm về hoa, cây, chồi non → Sức sống mãnh liệt của mùa xuân
- Mùa xuân là mùa của những đàn chim về làm tổ, mùa của con người xây dựng mái ấm gia đình và hạnh phúc lứa đôi
- Mùa xuân, mùa của không khí tung bừng, ấm áp trong sự đoàn tụ của gia đình b.cảm về sự sum họp của gia đình trong đêm 30 Tết)
- Mùa xuân em lớn lên thêm một tuổi, biểu cảm về sự hồi hộp, mong chờ, niềm vui trẻ nhỏ khi trên tay đón nhận những bao lì xì
- Mùa xuân - mùa của con người hướng về mái ấm gia đình, tổ tiên. Nơi ấy là quê hương, là nơi chôn rau, cắt rốn của mỗi một con người. Là nguồn cội của mỗi con người ( lí giải, biểu cảm về quy luật của con người khi xa quê)

**c) Kết bài:** Khẳng định tình cảm của em đối với mùa xuân.